

Số: 39 /KH-THCSTQT

Kiến Đức, ngày 25 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Dự toán và sử dụng kinh phí các khoản thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ phục vụ học sinh theo nhu cầu Năm học: 2026 – 2027

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về mức học phí, mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng từ năm học 2026-2027;

Căn cứ Quyết định số 39/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Văn bản số 4454/SGDĐT-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chính sách học phí, chính sách hỗ trợ người học và các khoản thu năm học 2026-2027 đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ vào nhu cầu thực tế của học sinh, nhà trường xây dựng dự toán và sử dụng kinh phí các khoản thu chi đối với các dịch vụ phục vụ cho học sinh năm học 2026 - 2027 như sau:

1. Nội dung

Các dịch vụ hỗ trợ phục vụ học sinh theo nhu cầu năm học 2026 - 2027.

2. Mục đích

Sử dụng nguồn kinh phí để hỗ trợ phục vụ học sinh theo nhu cầu năm học 2026 - 2027.

3. Đối tượng thụ hưởng

Toàn bộ học sinh của nhà trường.

4. Hình thức và nguyên tắc sử dụng

Đảm bảo nguyên tắc sử dụng đúng danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường. Việc thu chi đảm bảo đúng mục đích, thống nhất công khai, quyết toán đúng quy định.

5. Phương án quản lý thu chi các dịch vụ hỗ trợ phục vụ học sinh theo nhu cầu năm học 2026 – 2027

5.1. Tổng số học sinh toàn trường 1077 em. Trong đó:

a) Tại điểm chính: 832 em.

- Khối 6 (6A12345): 204 (Hộ nghèo, cận nghèo, học sinh dân tộc, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách: 24).

- Khối 6 (6A12345): 213 (Hộ nghèo, cận nghèo, học sinh dân tộc, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách: 31).

- Khối 6 (6A12345): 192 (Hộ nghèo, cận nghèo, học sinh dân tộc, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách: 22).

- Khối 6 (6A12345): 223 (Hộ nghèo, cận nghèo, học sinh dân tộc, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách: 35).

b) Tại phân hiệu: 245 em.

- Khối 6 (6A12345): 63 (Hộ nghèo, cận nghèo, học sinh dân tộc, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách: 01).

- Khối 6 (6A12345): 60 (Hộ nghèo, cận nghèo, học sinh dân tộc, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách: 01).

- Khối 6 (6A12345): 56 (Hộ nghèo, cận nghèo, học sinh dân tộc, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách: 02).

- Khối 6 (6A12345): 66 (Hộ nghèo, cận nghèo, học sinh dân tộc, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách: 01).

5.2. Mức thu

Thực hiện theo quy định quy định tại Điều 2 Quyết định số 39/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

5.3. Việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải bảo đảm nguyên tắc tự nguyện; Được thông qua lấy ý kiến của Ban chấp hành Hội cha mẹ học sinh; Được triển khai đến phụ huynh từng lớp tại cuộc họp Phụ huynh các lớp đầu năm. Nhà trường xây dựng dự toán chi cho từng nội dung thu làm căn cứ xác định mức thu cụ thể theo nguyên tắc thu đủ bù chi, thu, chi đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

5.4. Nhà trường miễn đối với học sinh là con liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh; học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, có hoàn cảnh khó khăn; học sinh khuyết tật, học sinh mồ côi cha mẹ.

5.5. Nhà trường thực hiện công khai các khoản thu, chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5.6. Thực hiện công tác kế toán, thống kê các khoản thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật. Cuối mỗi học kỳ và cuối năm học, nhà trường tổng hợp kết quả thu, quyết toán chi đối với từng khoản thu; thực hiện công khai theo quy định và báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp.

6. Dự kiến mức thu

6.1. Tại điểm chính: $12.500 \text{ đồng/tháng} \times 08 \text{ tháng} = 100.000 \text{ đồng}$.

6.1. Tại phân hiệu: $18.750 \text{ đồng/tháng} \times 08 \text{ tháng} = 150.000 \text{ đồng}$.

7. Dự kiến thu được

7.1. Tại điểm chính: $720 \text{ em} \times 100.000 \text{ đồng} = 72.000.000 \text{ đồng}$.

7.1. Tại phân hiệu: $240 \text{ em} \times 150.000 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng}$.

8. Dự kiến mức chi

8.1. Tại điểm chính:

- Tiền chi trả hợp đồng dọn vệ sinh nhà vệ sinh cho học sinh.
- Tiền mua đồ dùng vệ sinh chung: Giấy; dụng cụ vệ sinh, ...

Tổng mức khoán: $9.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 08 \text{ tháng} = 72.000.000 \text{ đồng}$.

8.1. Tại phân hiệu:

- Tiền chi trả hợp đồng dọn vệ sinh nhà vệ sinh cho học sinh.
- Tiền mua đồ dùng vệ sinh chung: Giấy; dụng cụ vệ sinh, ...

Tổng mức khoán: $4.500.000 \text{ đồng/tháng} \times 08 \text{ tháng} = 36.000.000 \text{ đồng}$.

Trên đây là dự toán và sử dụng kinh phí các khoản thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ phục vụ học sinh theo nhu cầu năm học 2026 - 2027 của trường THCS Trần Quốc Toàn./.

Nơi nhận:

- Phòng VHXXH (báo cáo);
- BCH hội CMHS (phối hợp);
- CBQL, GV, NV (biết);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Nguyên Khánh